

Số: 325 /BCTĐ-BTP

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2026

**BÁO CÁO THẨM ĐỊNH**  
**Hồ sơ dự án Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi)**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 (Luật Ban hành VBQPPL năm 2025), Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành VBQPPL, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP (Nghị định số 78/2025/NĐ-CP), theo đề nghị của cơ quan chủ trì soạn thảo<sup>1</sup>, trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ gửi thẩm định và kết quả cuộc họp Hội đồng thẩm định<sup>2</sup> ngày 10/6/2026, Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định đối với dự án Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi) (sau đây gọi tắt là dự án Luật) như sau:

**I. VỀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT**

Ngày 26/9/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 về Chương trình lập pháp năm 2026, trong đó giao Chính phủ trình Quốc hội khóa XVI xem xét, thông qua Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi) tại Kỳ họp thứ 2 (tháng 10/2026). Ngày 24/10/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2352/QĐ-TTg phân công cơ quan chủ trì soạn thảo và thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trong Chương trình lập pháp năm 2026, trong đó giao Bộ Tư pháp là cơ quan chủ trì soạn thảo dự án Luật nêu trên (trình Chính phủ vào tháng 6/2026). Ngày 06/5/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 123/NQ-CP về chính sách của Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi), trong đó đã thông qua 03 chính sách của Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi) nêu tại Tờ trình số 58/TTr-BTP ngày 24/4/2026 của Bộ Tư pháp.

Theo thông tin cung cấp tại Mục I của dự thảo Tờ trình, Hội đồng thẩm định thấy rằng việc xây dựng dự án Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi) là nhằm thể chế hóa các đường lối, chủ trương của Đảng về hoàn thiện hệ thống pháp luật, bảo vệ trẻ em và cải cách thủ tục hành chính trong các văn bản như: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày

<sup>1</sup> Công văn số 1483/HCTP-NCN ngày 02/6/2026 của Cục Hành chính tư pháp, Bộ Tư pháp.

<sup>2</sup> Hội đồng thẩm định (HĐTĐ) được thành lập theo Quyết định số 1416/QĐ-BTP ngày 04/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp với 28 thành viên: 24/28 thành viên HĐTĐ có mặt (04 thành viên HĐTĐ vắng mặt: (1) Đại diện Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng; (2) Đại diện Sở Tư pháp tỉnh Hưng Yên; (3) Đại diện Ủy ban nhân dân phường Giảng Võ; (4) Đại diện Cục Pháp luật hình sự - hành chính và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (gửi ý kiến bằng văn bản).

22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả với nhiệm vụ; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới... Đồng thời, việc xây dựng dự án Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi) để bảo đảm thống nhất, đồng bộ với các luật như Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Trẻ em, Luật Cư trú... và khắc phục những vướng mắc, bất cập của Luật Nuôi con nuôi năm 2010 sau 15 năm triển khai thi hành liên quan đến điều kiện nuôi con nuôi, cơ chế giới thiệu nuôi con nuôi, hệ quả pháp lý của việc nuôi con nuôi, căn cứ chấm dứt việc nuôi con nuôi, ...

Từ những cơ sở chính trị, pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu tại dự thảo Tờ trình, Hội đồng thẩm định thấy rằng việc xây dựng dự án Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi) là rất cần thiết, đúng nhiệm vụ được giao và đáp ứng yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

Tuy nhiên, để làm rõ hơn cơ sở chính trị, pháp lý và cơ sở thực tiễn, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung, phân tích và làm rõ một số vấn đề sau:

*Thứ nhất*, về cơ sở chính trị, tại tiểu mục I.1, mục a của dự thảo Tờ trình, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nêu rõ và phân tích nội dung, yêu cầu đặt ra gắn trực tiếp với công tác nuôi con nuôi từ các chủ trương, định hướng của Đảng được viện dẫn. Hiện nay, nội dung này trong dự thảo Tờ trình mang tính liệt kê các văn bản chỉ đạo về phân cấp, phân quyền; cải cách thủ tục hành chính; phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo..., chỉ có Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc có nội dung liên quan trực tiếp đến đối tượng là trẻ em. Đề nghị, bổ sung, đánh giá việc thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng nêu trong Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam; Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đối với

việc xây dựng dự án Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi).

*Thứ hai*, về cơ sở pháp lý, đề nghị rà soát, bổ sung đánh giá sự phù hợp của Luật Nuôi con nuôi với các luật có liên quan như: Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phí và lệ phí, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Hộ tịch (sửa đổi) ... Trong dự thảo Tờ trình, cơ quan chủ trì soạn thảo mới chỉ nêu những quy định của Luật Nuôi con nuôi chưa phù hợp với quy định của Luật Trẻ em và Bộ luật Dân sự.

*Thứ ba*, về cơ sở thực tiễn, tại tiểu mục I.2. dự thảo Tờ trình, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tóm lược, trình bày ngắn gọn những khó khăn, vướng mắc bất cập của Luật Nuôi con nuôi năm 2010 sau 15 năm triển khai thi hành, nội dung này đã được cơ quan chủ trì soạn thảo nêu cụ thể trong Báo cáo tổng kết thi hành Luật Nuôi con nuôi, hiện nay, dung lượng nội dung này tương đối lớn trong dự thảo Tờ trình.

## **II. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ ÁN LUẬT VỚI CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG; CHÍNH SÁCH ĐÃ ĐƯỢC THÔNG QUA**

### **1. Về sự phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng**

**1.1.** Qua rà soát, Hội đồng thẩm định chưa phát hiện quy định trong dự thảo Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi) có nội dung trái với chủ trương, đường lối của Đảng về hoàn thiện hệ thống pháp luật, bảo vệ trẻ em, cải cách thủ tục hành chính (TTHC) đã nêu trong dự thảo Tờ trình. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã chuẩn bị Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật tương đối công phu, chi tiết. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát các quy định trong dự thảo Luật để đảm bảo thể chế hóa đầy đủ, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng về việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; đơn giản hóa TTHC; phân cấp, phân quyền; đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đồng thời, bổ sung việc thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng nêu tại Nghị quyết số 59-NQ/TW; Nghị quyết 80-NQ/TW như đã nêu ở trên.

**1.2.** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ: (i) Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; (ii) Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ; (iii) Kết luận số 09-KL/TW về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

### **2. Về sự phù hợp với chính sách đã được thông qua**

Hội đồng thẩm định nhận thấy, dự thảo Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi) cơ bản bám sát và đã quy phạm hóa các nội dung thuộc 03 chính sách được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 123/NQ-CP. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, đối chiếu cụ thể từng quy định của dự thảo Luật với nội dung chính sách đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 123/NQ-CP để bảo đảm việc quy phạm hóa đầy đủ, chính xác nội dung chính sách, trong đó:

- Đối với Chính sách 2 về phát triển hoạt động công tác xã hội nhằm nâng cao chất lượng công tác giải quyết nuôi con nuôi và theo dõi tình hình phát triển của trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi:

Theo chính sách đã được thông qua, Chính phủ cơ bản thống nhất theo hướng huy động công chức, viên chức, người lao động làm công tác xã hội trong các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tham gia hỗ trợ giải quyết nuôi con nuôi. Tuy nhiên, việc quy phạm hóa chính sách này trong dự thảo Luật còn sơ sài, chưa làm rõ cơ chế tham gia của người làm công tác xã hội trong từng giai đoạn của quá trình giải quyết nuôi con nuôi và theo dõi sau khi việc nuôi con nuôi được xác lập.

Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu đề cụ thể hơn nữa nội dung chính sách này, trong đó, làm rõ cơ chế tham gia của người làm công tác xã hội trong quá trình giải quyết nuôi con nuôi, cân nhắc phạm vi và mức độ tham gia phù hợp của người làm công tác xã hội theo hướng tham gia hỗ trợ hoặc tham gia bắt buộc đối với một số hoạt động, khâu công việc nhất định. Đồng thời, cần quy định rõ vị trí, vai trò, trách nhiệm, quyền và lợi ích của người làm công tác xã hội trong hoạt động hỗ trợ giải quyết nuôi con nuôi và cơ chế phối hợp của người làm công tác xã hội với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan nhằm bảo đảm việc giải quyết nuôi con nuôi được thực hiện hiệu quả và vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

- Đối với Chính sách 3 về tiếp tục cải cách TTHC gắn với tăng cường phân cấp, ứng dụng công nghệ thông tin nhằm tạo thuận lợi cho người dân:

Theo chính sách đã được thông qua, Chính phủ cơ bản thống nhất theo hướng phân cấp thẩm quyền từ Bộ Tư pháp cho Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh thực hiện xác nhận công dân Việt Nam **thường trú** ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi; cho phép người nhận con nuôi nộp hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi trong nước không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên toàn quốc; cơ quan giải quyết TTHC có trách nhiệm khai thác dữ liệu có sẵn thay thế việc yêu cầu người dân phải nộp giấy tờ; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước và giải quyết TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi. Tuy nhiên, tại khoản 5 Điều 15 của dự thảo Luật quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận công

dân Việt Nam **cư trú** trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát và giải trình rõ sự thay đổi này trong dự thảo Tờ trình.

### **III. VỀ TÍNH HỢP HIẾN, TÍNH HỢP PHÁP VÀ TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO LUẬT VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT**

#### **1. Về tính hợp hiến**

Hội đồng thẩm định chưa phát hiện dự thảo Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi) gửi thẩm định có nội dung trái với quy định của Hiến pháp năm 2013 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

#### **2. Về tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Luật với hệ thống pháp luật**

Qua rà soát, Hội đồng thẩm định nhận thấy, các quy định trong dự thảo Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi) có liên quan đến nhiều VBQPPL hiện hành như Bộ luật Dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Cư trú, Luật Hộ tịch, Luật Trẻ em, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương... Về cơ bản, các quy định của dự thảo Luật đã bảo đảm tính hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật.

Tuy nhiên, để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Luật, Hội đồng thẩm định đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý một số nội dung nêu tại Mục VI của Báo cáo thẩm định này, đảm bảo tính hợp pháp, thống nhất của dự thảo Luật với hệ thống pháp luật.

### **IV. TÍNH TƯƠNG THÍCH CỦA DỰ ÁN LUẬT VỚI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN MÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN; BẢO ĐẢM YÊU CẦU VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH; NGUỒN TÀI CHÍNH; NGUỒN NHÂN LỰC**

#### **1. Về tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên**

Hội đồng thẩm định (trong đó có đại diện Bộ Ngoại giao) thấy rằng các quy định của dự thảo Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi) cơ bản phù hợp với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Nội dung dự thảo Luật cũng đã thể hiện tinh thần nội luật hóa Công ước La Hay 1993, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em (CRC) đảm bảo phù hợp với các thông lệ quốc tế.

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát bổ sung vào danh mục các Hiệp định song phương về nuôi con nuôi còn hiệu lực giữa Việt Nam với các

nước, các Hiệp định Tương trợ tư pháp về dân sự có nội dung về nuôi con nuôi để đảm bảo đầy đủ.

Bên cạnh đó, đối với nội dung dự thảo Luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát lại một số quy định sau:

- Khái niệm “nuôi con nuôi nước ngoài” tại khoản 5 Điều 3 dự thảo Luật quy định là việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam cư trú tại Việt Nam với người nước ngoài hoặc với người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Quy định này chưa phù hợp với khái niệm “nuôi con nuôi quốc tế” theo Công ước La Hay 1993, lý do: (i) Công ước La Hay 1993 quy định “nuôi con nuôi quốc tế” (intercountry adoption) là việc nuôi con nuôi có sự di chuyển trẻ em từ nước nơi trẻ em thường trú đến nước nơi cha, mẹ nuôi thường trú. Tuy nhiên, khoản 5 Điều 3 không quy định yếu tố “di chuyển” này. Trường hợp nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam cư trú tại Việt Nam với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam thì không phải “nuôi con nuôi quốc tế” theo quy định của Công ước, nhưng dự thảo Luật vẫn định nghĩa là “nuôi con nuôi nước ngoài”. Việc định nghĩa khái niệm này rất quan trọng vì sẽ ảnh hưởng đến thủ tục giải quyết cho nhận con nuôi<sup>3</sup> và phạm vi trách nhiệm của các Cơ quan đại diện<sup>4</sup>; (ii) Việc sử dụng thuật ngữ “nuôi con nuôi nước ngoài” là kế thừa cách diễn đạt của Luật Nuôi con nuôi năm 2010. Tuy nhiên, hiện nay dự thảo Luật đang sửa đổi định nghĩa và quy trình để phù hợp với Công ước La Hay 1993, theo đó việc sử dụng thuật ngữ “nuôi con nuôi nước ngoài” không còn chính xác. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu diễn đạt lại, có thể thay đổi thành thuật ngữ “nuôi con nuôi quốc tế” cho hợp lý (intercountry là “xuyên quốc gia”, “liên quốc gia”).

- Về nhiệm vụ của cơ quan trung ương, đề nghị rà soát đảm bảo phù hợp với các Điều 6-9 Công ước 1993 (trường hợp Việt Nam có thể là quốc gia nhận trẻ em) đề nghị cân nhắc nội dung “tiếp nhận báo cáo về người nhận con nuôi từ Cơ quan Trung ương của nước ngoài, lập chuyển báo cáo về trẻ em đến Cơ quan Trung ương nước ngoài” để đảm bảo tính chất hai chiều (nội dung này Việt Nam chỉ được thể hiện như quốc gia gốc của trẻ em).

- Ghi nhận nguyên tắc Bảo đảm quyền lợi tốt nhất của trẻ em ghi nhận tại Điều 21 CRC, Điều 1 và Điều 24 Công ước La Hay 1993 tại Điều 4 (Nguyên tắc giải quyết việc nuôi con nuôi) và Điều 16 (Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc

<sup>3</sup> Điều 25 dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nuôi con nuôi quy định: sau khi hết thời hạn thông báo trên phạm vi toàn quốc mà không có người trong nước nhận trẻ em làm con nuôi, đối với trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa, Bộ Tư pháp thông báo cho Sở Tư pháp và chuyển hồ sơ của người nhận con nuôi nước ngoài đã được chấp thuận để thực hiện thủ tục giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài.

<sup>4</sup> Theo quy định tại khoản 1 Điều 63, Bộ Ngoại giao có trách nhiệm chỉ đạo các Cơ quan đại diện thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ trẻ em Việt Nam được giải quyết làm con nuôi nước ngoài. Căn giới hạn “con nuôi nước ngoài” là trẻ em được người nước ngoài đang cư trú ở nước ngoài nhận nuôi, không bao gồm người nước ngoài cư trú ở Việt Nam.

nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài) dự thảo Luật, theo đó việc nuôi con nuôi ở nước ngoài theo điểm b khoản 1 Điều 16 có thể được công nhận kể cả khi không đáp ứng đủ điều kiện theo pháp luật Việt Nam trên cơ sở cân nhắc đến lợi ích tốt nhất của trẻ được nhận nuôi (chẳng hạn điều kiện về độ tuổi tối thiểu, hoặc thậm chí cặp vợ chồng nhận nuôi đồng giới - pháp luật Việt Nam không cấm nhưng không công nhận hôn nhân đồng giới).

- Về yêu cầu đối với sự đồng ý cho làm con nuôi, Điều 22 dự thảo Luật mới chỉ ghi nhận sự đồng ý mà chưa kèm theo nội dung những người phải có ý kiến đồng ý tại điều, khoản này đã được tư vấn phù hợp và thông báo hợp lệ về hệ quả của việc nuôi con nuôi và sự đồng ý của họ, chưa có yêu cầu về hình thức bằng văn bản rõ ràng có bằng chứng về sự đồng ý như quy định tại Điều 4 Công ước La Hay 1993.

## **2. Về bảo đảm yêu cầu quốc phòng, an ninh**

Hội đồng thẩm định (trong đó có đại diện Bộ Công an; đại diện Bộ Quốc phòng) chưa phát hiện quy định của dự thảo Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi) có nội dung không bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh. Tuy nhiên, đối với việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (nhất là việc nuôi con nuôi ở khu vực biên giới), đây là vấn đề phức tạp, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung, phân tích và làm rõ trong dự thảo Tờ trình.

## **3. Về nguồn tài chính, nguồn nhân lực**

Tại dự thảo Tờ trình, cơ quan chủ trì soạn thảo đã khẳng định việc triển khai thi hành Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi) sau khi được Quốc hội thông qua không làm phát sinh biên chế; nguồn kinh phí thực hiện được cân đối từ ngân sách nhà nước và kinh phí hợp pháp khác. Tuy nhiên, Hội đồng thẩm định thấy rằng, quy định về người làm công tác xã hội tham gia hỗ trợ giải quyết nuôi con nuôi và sau giải quyết nuôi con nuôi; giới thiệu trẻ em làm con nuôi; cơ sở dữ liệu về nuôi con nuôi, ... đòi hỏi nguồn nhân lực, nguồn kinh phí thực hiện. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, đánh giá đầy đủ tác động của các quy định này đối với nguồn nhân lực, nguồn tài chính và các điều kiện bảo đảm thi hành; đồng thời làm rõ cơ cấu nguồn kinh phí thực hiện; khả năng cân đối từ ngân sách nhà nước và xác định rõ kinh phí hợp pháp khác (kinh phí của trung ương, kinh phí địa phương và nguồn lực xã hội hóa) trong dự thảo Tờ trình. Nội dung cụ thể đã được nêu tại mục VI của Báo cáo thẩm định này.

# **V. SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH; VIỆC PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP; VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ; VIỆC BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC**

## **1. Về sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính**

Trên cơ sở các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về cải cách TTHC, dự thảo Luật được xây dựng theo định hướng đơn giản hóa, cắt giảm TTHC, cụ thể:

- Cắt giảm 03 TTHC: (i) Thủ tục “giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi” vì đây là trường hợp nuôi con nuôi nước ngoài nên không cần thiết phải tách thành một thủ tục riêng; (ii) Thủ tục đăng ký lại việc nuôi con nuôi nước ngoài: Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi) quy định tên gọi, giao Chính phủ quy định chi tiết; (iii) Thủ tục đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước: Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi) quy định tên gọi, giao Chính phủ quy định chi tiết).

- Cắt giảm tối đa thành phần hồ sơ có thể khai thác trên cơ sở dữ liệu; đơn giản hóa cách thức thực hiện, giải quyết TTHC, trong đó: (i) Cho phép cá nhân, tổ chức có quyền lựa chọn nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính phi địa giới hành chính; (ii) Cơ quan giải quyết TTHC có trách nhiệm chủ động khai thác dữ liệu điện tử, tra cứu thông tin trong cơ sở dữ liệu, không yêu cầu nộp, xuất trình, cung cấp lại thông tin, giấy tờ nếu đã khai thác được dữ liệu.

Cơ quan chủ trì soạn thảo đã xây dựng Bản đánh giá TTHC với đầy đủ biểu mẫu đánh giá tác động từng TTHC kèm theo thể hiện việc rà soát, đánh giá tác động thực hiện nghiêm túc, đúng quy định.

Tuy nhiên, theo nội dung Bản đánh giá TTHC, dự thảo Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi) đã sửa đổi, bổ sung quy định về điều kiện, xác nhận điều kiện của người được nhận làm con nuôi, người nhận con nuôi; cơ chế giới thiệu trẻ em cho làm con nuôi trong nước. Việc bổ sung các quy định này sẽ làm phát sinh thêm một số bước trong thủ tục giải quyết nuôi con nuôi trong nước. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung, đánh giá và làm rõ nội dung này trong dự thảo Tờ trình. Ngoài ra, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xác định chính xác số lượng, tên TTHC quy định trong dự thảo Luật (trong đó nêu rõ TTHC ban hành mới; TTHC sửa đổi, bổ sung; TTHC bãi bỏ; TTHC giữ nguyên so với quy định hiện hành).

Đối với một số quy định cụ thể liên quan đến TTHC, Hội đồng thẩm định có ý kiến như sau:

- Về phương thức nộp hồ sơ giải quyết nuôi con nuôi (Điều 9): Đề nghị nghiên cứu, cân nhắc kỹ quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều này và các quy định tại luật liên quan đến việc thực hiện Chính sách 3 đã được Chính phủ thông qua. Lý do: Theo quy định tại khoản 7 Điều 3 của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia thì “Thực

*hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh là việc cho phép tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương qua hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại bất kỳ Bộ phận Một cửa trong phạm vi cấp tỉnh để thuận tiện cho việc thực hiện của tổ chức, cá nhân, không phân biệt cấp chính quyền, địa giới hành chính nơi cư trú, nơi đặt trụ sở hoặc nơi đã cấp các loại giấy tờ cho tổ chức, cá nhân".* Như vậy, việc thực hiện chính sách đã được phê duyệt “*cho phép người nhận con nuôi nộp hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi trong nước không phụ thuộc địa giới hành chính trên toàn quốc*” là phải đảm bảo việc nộp hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi trong nước qua hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại bất kỳ Bộ phận Một cửa trong phạm vi toàn quốc không phụ thuộc nơi cư trú. Bên cạnh đó, quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều này đang mâu thuẫn với đoạn 1 khoản 1 Điều 9 (Lý do: đoạn 1 khoản 1 đang quy định tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn 1 trong 3 cách thức nộp hồ sơ, tuy nhiên, đoạn 2 lại quy định trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua bưu chính thì hướng dẫn nộp trực tuyến). Mặt khác, tại dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật Nuôi con nuôi gửi kèm theo hồ sơ thẩm định đang dự kiến quy định đối với việc nộp hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi trong nước vẫn trên cơ sở nơi cư trú, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo nghiên cứu, rà soát thêm để đảm bảo thực hiện Chính sách 3 đã được Chính phủ thông qua.

Do đó, đề nghị rà soát nội dung Điều 9 để đảm bảo thống nhất giữa nội dung và tên Điều. Bên cạnh đó, đối với quy định tại khoản 2 hiện chỉ quy định trách nhiệm khai thác dữ liệu của cơ quan giải quyết TTHC là chưa đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu, theo đó, trách nhiệm khai thác bao gồm cả cơ quan tiếp nhận và cơ quan giải quyết TTHC. Đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo rà soát, bổ sung.

Ngoài ra, cũng có ý kiến cho rằng, cần nhắc đưa quy định tại Điều 9 dự thảo Luật xuống quy định tại Nghị định quy định chi tiết Luật Nuôi con nuôi (Lý do: Nội dung Điều 9 quy định liên quan đến trình tự, thủ tục, hồ sơ giải quyết nuôi con nuôi, các nội dung này đang được cơ quan chủ trì soạn thảo đưa xuống quy định trong dự thảo Nghị định này) để bảo đảm tính logic, thống nhất.

- Đối với quy định về xác nhận điều kiện của người được nhận làm con nuôi và người nhận con nuôi quy định: tại Điều 14 và Điều 15 dự thảo Luật hiện đang tiềm ẩn nguy cơ phát sinh thêm TTHC. Theo nội dung nêu tại Bản đánh giá TTHC

thì quy định pháp luật hiện hành đã có quy định “*khi xét thấy người nhận con nuôi và người được giới thiệu làm con nuôi có đủ điều kiện*” và việc quy định xác nhận này chỉ mang tính “*hình thức*” để đề cao trách nhiệm. Với lập luận của cơ quan chủ trì soạn thảo như vậy thì cần cân nhắc kỹ lưỡng và quy định rõ hơn theo hướng đây là quy trình thẩm tra, xác minh hồ sơ hoặc lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình giải quyết TTHC, không phải là quy trình yêu cầu người dân phải thực hiện, để tránh phát sinh thêm TTHC “con”.

- Tại khoản 1 Điều 17 dự thảo Luật quy định “*Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết việc nuôi con nuôi trong nước*”, khoản 4 Điều 3 dự thảo luật đã giải thích cụm từ “*nuôi con nuôi trong nước*” là “*việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt nam với nhau mà người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi cùng cư trú tại Việt Nam hoặc cùng tạm trú ở nước ngoài.*”. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 17 dự thảo Luật lại quy định với trường hợp nuôi con nuôi của công dân Việt Nam mà bên nhận con nuôi và bên được nhận làm con nuôi đều tạm trú ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý.

- Việc quy định các TTHC tại dự thảo Luật về cơ bản đã thực hiện theo nguyên tắc “*không quy định trình tự, hồ sơ trong luật mà giao Chính phủ, các bộ quy định theo thẩm quyền*” theo Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật. Tuy nhiên, để đảm bảo quy định đầy đủ các bộ phận tạo thành của TTHC, đề nghị rà soát kỹ khoản 3 Điều 32 dự thảo Luật để đảm bảo giao Chính phủ quy định chi tiết đầy đủ các điều, khoản về TTHC tại dự thảo Luật theo đúng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

## **2. Về việc phân quyền, phân cấp**

Hội đồng thẩm định (trong đó có đại diện Bộ Nội vụ) nhất trí với các quy định trong dự thảo Luật về việc phân cấp, phân quyền. Bên cạnh đó, dự thảo Luật đã cơ bản đáp ứng yêu cầu, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ nêu tại Công văn số 435/TTg-TCCV ngày 25/4/2026 về việc sửa đổi, bổ sung các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bảo đảm theo các nguyên tắc tại Luật Tổ chức Chính phủ, trong đó yêu cầu: “*Không quy định cụ thể tên Bộ, ngành và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Bộ, ngành tại dự thảo luật, nghị quyết, pháp lệnh, bảo đảm quy định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội theo quy định của Hiến pháp; không phân quyền trực tiếp cho các Bộ trưởng tại luật, pháp lệnh, nghị quyết, bảo đảm Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực và thực hiện phân công phạm vi quản lý nhà nước cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ*”. Tuy nhiên, tại một số điều trong dự thảo Luật vẫn đề tên Bộ, ngành (Điều

8, Điều 13...), do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ, bảo đảm thực hiện theo đúng yêu cầu, chỉ đạo nêu trên.

Bên cạnh đó, cần rà soát đánh giá kỹ các quy định về phân quyền, phân cấp, trong đó cần nhắc phân quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện các nội dung liên quan đến giải quyết nuôi con nuôi, xác nhận điều kiện nuôi, nhận con nuôi thay vì giao cho UBND cấp xã cho phù hợp, khả thi vì UBND hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số.

### **3. Về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

Hội đồng thẩm định thấy rằng các quy định trong dự thảo Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi) đã thể hiện định hướng ứng dụng công nghệ thông tin, thúc đẩy chuyển đổi số trong công tác nuôi con nuôi, đặc biệt thông qua quy định về phương thức nộp hồ sơ giải quyết nuôi con nuôi (Điều 9), cơ sở dữ liệu về nuôi con nuôi (Điều 13),... Bên cạnh đó, để thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định cho phép cha mẹ nuôi thực hiện báo cáo tình hình phát triển của con nuôi thông qua ứng dụng điện tử thay vì chỉ báo cáo trực tiếp. Việc này nhằm đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, giảm thời gian đi lại và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân (Điều 23); xem xét cho phép thực hiện việc đăng ký hoặc xác nhận các thủ tục nuôi con nuôi thông qua chữ ký số điện tử hoặc các phương thức điện tử mức độ cao để đảm bảo tính hiện đại (Điều 20, 22), ...

### **4. Về việc bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc**

Dự thảo Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi) có quy định nguyên tắc bảo đảm việc bình đẳng, không phân biệt về giới khi giải quyết việc nuôi con nuôi (Điều 4), do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, đánh giá thêm về sự phù hợp của quy định này với yêu cầu bảo đảm bình đẳng giới và chính sách dân tộc trong dự thảo Tờ trình.

## **VI. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỤ THỂ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO LUẬT**

### **1. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)**

Điều 1 dự thảo Luật quy định phạm vi điều chỉnh của Luật Nuôi con nuôi gồm: giải quyết nuôi con nuôi, sau giải quyết nuôi con nuôi, hệ quả pháp lý của việc nuôi con nuôi, chấm dứt việc nuôi con nuôi và quản lý nhà nước về nuôi con nuôi. Tuy nhiên, Hội đồng thẩm định nhận thấy, quy định này còn quá chung chung, chưa phản ánh đầy đủ các nội dung điều chỉnh cơ bản của Luật cũng như chưa thể hiện rõ phạm vi các quan hệ xã hội được điều chỉnh. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu cân nhắc quy định cụ thể hơn theo hướng Luật này quy

định về nguyên tắc, điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết việc nuôi con nuôi; hệ quả pháp lý của việc nuôi con nuôi; việc theo dõi, hỗ trợ sau khi giải quyết nuôi con nuôi, chấm dứt việc nuôi con nuôi và quản lý nhà nước về nuôi con nuôi.

## **2. Về giải thích từ ngữ (Điều 3)**

Hội đồng thẩm định thấy rằng, việc giải thích các từ ngữ quy định tại Điều 3 dự thảo Luật còn có nội dung cần rà soát, chỉnh lý. Cụ thể:

- Tại khoản 1, 2 và 3 giải thích các từ ngữ “nuôi con nuôi”, “cha, mẹ nuôi”, “con nuôi” gắn với việc “đăng ký nuôi con nuôi”, tuy nhiên, nội dung dự thảo Luật chưa quy định rõ về nội hàm của “đăng ký nuôi con nuôi”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung giải thích từ ngữ “đăng ký nuôi con nuôi” vào Điều 3 dự thảo Luật.

- Tại khoản 4 và khoản 5 giải thích từ ngữ “nuôi con nuôi trong nước” và “nuôi con nuôi nước ngoài”, Hội đồng thẩm định nhận thấy còn một số nội dung cần tiếp tục rà soát, hoàn thiện. Cụ thể, việc giải thích các khái niệm này chưa bao quát đầy đủ trường hợp người được nhận làm con nuôi hoặc người nhận con nuôi là người không quốc tịch ở Việt Nam (không quốc tịch được xem là “người nước ngoài”). Bên cạnh đó, khoản 5 Điều 3 dự thảo Luật quy định “nuôi con nuôi nước ngoài” là việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam cư trú tại Việt Nam với người nước ngoài hoặc với người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Cách tiếp cận này chưa thật sự phù hợp với khái niệm “nuôi con nuôi quốc tế” theo Công ước La Hay 1993 (*xem cụ thể tại Mục IV của Báo cáo thẩm định*). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý lại quy định về giải thích từ ngữ “nuôi con nuôi trong nước” và “nuôi con nuôi nước ngoài” đảm bảo đầy đủ các trường hợp và phù hợp với Công ước La Hay 1993.

- Đề nghị cân nhắc, bổ sung việc giải thích một số từ ngữ khác xuất hiện trong dự thảo Luật như “người làm công tác xã hội trong giải quyết nuôi con nuôi”, “Cơ sở dữ liệu về nuôi con nuôi”, “khoản đóng góp”, “đăng ký nuôi con nuôi”, ...

## **3. Về lệ phí và khoản đóng góp (Điều 10)**

So với Điều 12 Luật Nuôi con nuôi hiện hành, Điều 10 dự thảo Luật đã: (i) Thay đổi cụm từ “lệ phí đăng ký nuôi con nuôi” thành “lệ phí giải quyết nuôi con nuôi”; (ii) Bổ sung quy định tổ chức con nuôi nước ngoài phải nộp lệ phí cấp, gia hạn giấy phép hoạt động nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; (iii) Sửa đổi, thay thế quy định về “chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài” bằng “khoản đóng góp”; mở rộng đối tượng áp dụng đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài; đồng thời sửa đổi phạm vi chi phí được bù đắp từ các chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài theo Luật hiện hành thành chi phí nuôi dưỡng,

chăm sóc, giáo dục trẻ em từ khi được giới thiệu làm con nuôi đến khi hoàn tất thủ tục giao nhận con nuôi. Hội đồng thẩm định đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh cụ thể cơ sở pháp lý, thực tiễn về việc thay đổi này và rà soát với pháp luật về phí, lệ phí.

Đặc biệt, đối với quy định về “khoản đóng góp” tại khoản 3 Điều 10, Hội đồng thẩm định nhận thấy, đây là quy định cơ bản được kế thừa từ khoản 2 Điều 12 Luật Nuôi con nuôi hiện hành về khoản tiền mà người nhận con nuôi nước ngoài phải nộp để bù đắp một phần chi phí liên quan đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em trước khi hoàn tất thủ tục giao nhận con nuôi. Đồng thời, việc quy định khoản đóng góp này cũng phù hợp với Công ước La Hay 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế. Tuy nhiên, so với Luật hiện hành, quy định tại khoản 3 Điều 10 dự thảo Luật có một số thay đổi về đối tượng áp dụng, cách thức thể hiện và phạm vi chi phí được bù đắp (như đã nêu ở trên). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, thuyết minh rõ cơ sở của các nội dung sửa đổi nêu trên; làm rõ cơ sở của việc quy định khoản đóng góp tại khoản 3 Điều 10 chỉ áp dụng đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam sống tại cơ sở trợ giúp xã hội làm con nuôi, trong khi không đặt ra nghĩa vụ tương tự đối với công dân Việt Nam ở trong nước nhận trẻ em tại cùng cơ sở trợ giúp xã hội làm con nuôi; làm rõ bản chất pháp lý của khoản đóng góp, cơ sở xác định mức đóng góp, chủ thể có thẩm quyền quy định mức đóng góp, nguyên tắc quản lý, sử dụng và cơ chế kiểm tra, giám sát việc thu, nộp, quản lý khoản tiền này nhằm bảo đảm tính công khai, minh bạch và thống nhất trong quá trình tổ chức thực hiện. Đồng thời, cần bổ sung đánh giá trong Báo cáo tổng kết thi hành Luật Nuôi con nuôi về thực tiễn thu, quản lý, sử dụng khoản chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài theo quy định hiện hành để làm cơ sở cho việc kế thừa, sửa đổi quy định này.

#### **4. Về các hành vi bị cấm (Điều 11)**

Dự thảo Luật nghiêm cấm các hành vi như mua bán trẻ em, bóc lột sức lao động, xâm hại tình dục, bạo hành, ngược đãi con nuôi. Đề nghị rà soát để bảo đảm tính thống nhất với quy định của pháp luật tố tụng hình sự trong việc xử lý các hành vi có dấu hiệu tội phạm được phát hiện trong quá trình giải quyết, đăng ký và quản lý việc nuôi con nuôi; đồng thời nghiên cứu cơ chế phối hợp giữa cơ quan đăng ký nuôi con nuôi với cơ quan có thẩm quyền nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm hại trẻ em. Cần nhắc bổ sung quy định cấm đối với hành vi sử dụng mạng xã hội và các nền tảng điện tử để môi giới, quảng cáo, tìm kiếm hoặc kết nối việc cho nhận nuôi con nuôi trái pháp luật nhằm phòng, chống các hành vi buôn bán trẻ em.

#### **5. Về cơ sở dữ liệu về nuôi con nuôi (Điều 13)**

Cơ sở dữ liệu về nuôi con nuôi có quan hệ mật thiết với cơ sở dữ liệu về hộ tịch, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Do đó, cần rà đánh giá kỹ về sự cần thiết xây dựng cơ sở dữ liệu riêng hay tích hợp trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đồng thời xác định rõ lộ trình xây dựng, kết nối để bảo đảm tính thông suốt, hiệu quả, tránh lãng phí.

## **6. Về điều kiện của người được nhận làm con nuôi (Điều 14)**

Điểm a khoản 1 Điều 14 dự thảo Luật quy định điều kiện người được nhận làm con nuôi phải đáp ứng là “Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ; trẻ em bị bỏ rơi; trẻ em không nơi nương tựa theo quy định của pháp luật về trẻ em”, quy định này đang có sự thu hẹp phạm vi trẻ em được nhận làm con nuôi. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh rõ nội dung này trong dự thảo Tờ trình. Bên cạnh đó, có ý kiến cho rằng, cần nhắc việc đưa nhóm “Trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc” (Điều 62 của Luật Trẻ em) vào nhóm đủ điều kiện để được cho làm con nuôi.

## **7. Về điều kiện của người nhận nuôi (Điều 15)**

- Đối với quy định tại khoản 1:

(i) Tại điểm a khoản 1 quy định “Là người độc thân hoặc là cặp vợ chồng được công nhận theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi” tuy nhiên việc loại trừ “...trừ trường hợp nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi” tại quy định này là chưa chính xác và gây khó hiểu, đồng thời có thể mâu thuẫn với chính quy định tại khoản 3 của Điều này về trường hợp cha dượng nhận con nuôi của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi.

(ii) Tại điểm c khoản 1 quy định khoảng cách độ tuổi tối đa giữa người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi là 50 tuổi; đồng thời quy định trường hợp đặc biệt có thể vượt quá khoảng cách tuổi này nếu việc nuôi con nuôi được thực hiện vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Về nội dung này, hiện có hai loại ý kiến:

Loại ý kiến thứ nhất, nhất trí với việc quy định khoảng cách độ tuổi tối đa giữa người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi. Theo ý kiến này, việc giới hạn khoảng cách tuổi nhằm bảo đảm sự phù hợp với bản chất của quan hệ cha mẹ - con được xác lập thông qua việc nuôi con nuôi; bảo đảm khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em trong thời gian dài và hạn chế các rủi ro có thể phát sinh khi người nhận con nuôi có độ tuổi quá cao. Tuy nhiên, để bảo đảm nguyên tắc vì lợi ích tốt nhất của trẻ em, cần cho phép cơ quan có thẩm quyền giải quyết việc nuôi con nuôi xem xét, chấp nhận những trường hợp có khoảng cách tuổi vượt quá

giới hạn này khi xét thấy phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của trẻ em.

Loại ý kiến thứ hai, đề nghị không quy định khoảng cách độ tuổi tối đa hoặc chỉ sử dụng tiêu chí này như một căn cứ tham khảo trong quá trình xem xét hồ sơ. Theo ý kiến này, tuổi tác không phản ánh đầy đủ khả năng thực tế của người nhận con nuôi; việc đánh giá điều kiện sức khỏe, kinh tế, chỗ ở và khả năng chăm sóc trẻ em đã là những căn cứ quan trọng để cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định. Đồng thời, việc quy định giới hạn tuổi cũng có thể làm giảm cơ hội được sống trong môi trường gia đình của một số nhóm trẻ em khó tìm gia đình thay thế như trẻ em lớn tuổi, trẻ em khuyết tật hoặc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Hội đồng thẩm định cơ bản nhất trí với loại ý kiến thứ nhất, theo đó cần quy định khoảng cách độ tuổi tối đa giữa người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi, đồng thời cho phép xem xét ngoại lệ trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết việc nuôi con nuôi xác định việc nhận nuôi là phù hợp và bảo đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục làm rõ trong dự thảo Tờ trình cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế của việc lựa chọn ngưỡng khoảng cách tuổi tối đa là 50 tuổi; đánh giá đầy đủ tác động của quy định này đối với thực tiễn giải quyết nuôi con nuôi tại Việt Nam. Đồng thời, nghiên cứu quy định cụ thể hơn các tiêu chí, điều kiện áp dụng trường hợp ngoại lệ nhằm hạn chế việc áp dụng tùy nghi, bảo đảm tính minh bạch, thống nhất trong quá trình thực hiện.

(iii) Đối với quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 15, Hội đồng thẩm định nhận thấy cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ sự phù hợp và tính thống nhất giữa các quy định của dự thảo Luật. Cụ thể:

- Theo điểm d khoản 2 Điều 15, người bị kết án phạt tù nhưng được hưởng án treo và chưa hết thời gian thử thách đối với các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự con người; các tội về bạo lực gia đình; các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình thì không được nhận con nuôi. Quy định này nhằm bảo đảm an toàn, lợi ích tốt nhất của trẻ em và cơ bản phù hợp với yêu cầu bảo vệ trẻ em trong quan hệ nuôi con nuôi. Về vấn đề này, có hai loại ý kiến:

Loại ý kiến thứ nhất cho rằng, việc bổ sung quy định tại điểm d khoản 2 Điều này trong dự thảo Luật cần được nghiên cứu, rà soát và đánh giá đầy đủ hơn để có cơ chế xử lý phù hợp trong quá trình giải quyết hồ sơ nhận con nuôi.

Loại ý kiến thứ hai cho rằng, đối với một số nhóm tội phạm có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm hại trẻ em hoặc thể hiện nguy cơ cao đối với môi trường sống của trẻ em như các tội về bạo lực gia đình; dụ dỗ, ép buộc người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em; các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác thì cần quy

định cấm tuyệt đối việc nhận con nuôi.

- Khoản 3 Điều 15 quy định “Trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi thì không áp dụng quy định tại điểm c và d khoản 1 Điều này. Trường hợp cô, cậu, dì, chú, bác ruột và vợ hoặc chồng của cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi thì không áp dụng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này. Quy định này đang loại trừ một số điều kiện của người nhận con nuôi trong phạm vi gia đình.

Hội đồng thẩm định nhận thấy, việc bảo đảm an toàn, lợi ích tốt nhất của trẻ em phải là nguyên tắc ưu tiên trong việc xem xét điều kiện của người nhận con nuôi. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, đánh giá đầy đủ tác động của từng phương án, đặc biệt đối với các trường hợp người nhận con nuôi có tiền án, tiền sự liên quan đến bạo lực gia đình, xâm hại trẻ em hoặc các hành vi ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em, để bảo đảm tính thống nhất của dự thảo Luật và phù hợp với nguyên tắc bảo vệ trẻ em quy định tại khoản 2 Điều này; đồng thời, giải trình rõ lý do loại trừ một số điều kiện đối với nuôi con nuôi trong phạm vi gia đình quy định tại khoản 3 Điều 15.

## **8. Về thẩm quyền giải quyết việc nuôi con nuôi (Điều 17)**

Điều 17 dự thảo Luật quy định UBND cấp xã, UBND cấp tỉnh và Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài có thẩm quyền “giải quyết việc nuôi con nuôi” đối với từng trường hợp cụ thể. Tuy nhiên, Hội đồng thẩm định nhận thấy dự thảo Luật hiện chưa làm rõ nội hàm của khái niệm “giải quyết việc nuôi con nuôi”.

Theo cách thể hiện tại Điều 17, có thể hiểu “giải quyết việc nuôi con nuôi” là toàn bộ quá trình từ việc xác nhận điều kiện của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi, tiếp nhận hồ sơ, giới thiệu trẻ em làm con nuôi, lấy ý kiến các chủ thể có liên quan, xem xét hồ sơ, quyết định việc nuôi con nuôi, đăng ký, giao nhận con nuôi và các hoạt động khác có liên quan. Tuy nhiên, các quy định tại Chương II của dự thảo Luật lại được thiết kế theo hướng phân công trách nhiệm cho nhiều cơ quan, tổ chức khác nhau ở từng giai đoạn, từng hoạt động cụ thể của quá trình giải quyết nuôi con nuôi.

Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, làm rõ nội hàm của hoạt động “giải quyết việc nuôi con nuôi”; đồng thời xác định rõ phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền của từng cơ quan trong từng khâu của quy trình giải quyết nuôi con nuôi. Trường hợp Điều 17 chỉ nhằm xác định cơ quan có thẩm quyền quyết định, đăng ký và công nhận việc nuôi con nuôi thì cần thể hiện rõ trong dự thảo Luật để bảo đảm thống nhất với các quy định khác của Chương II, tránh cách hiểu khác nhau dẫn đến chồng chéo hoặc trùng lặp về thẩm quyền trong quá trình

tổ chức thực hiện.

## **9. Về việc giới thiệu trẻ em (Điều 21)**

Điều 21 dự thảo Luật quy định về yêu cầu đối với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi, tuy nhiên nội dung quy định này đang quy định cả về yêu cầu, thẩm quyền giới thiệu trẻ em làm con nuôi. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc chỉnh lý cho phù hợp, thống nhất giữa tên Điều với nội dung của Điều hoặc tách nội dung của Điều này thành các Điều riêng về yêu cầu và thẩm quyền giới thiệu. Bên cạnh đó, đề nghị cân nhắc chỉnh lý một số vấn đề sau:

- Nghiên cứu quy định về việc xác minh nguồn gốc trẻ em trong mọi trường hợp để bảo đảm tính khách quan thay vì chỉ yêu cầu xác minh trong trường hợp trẻ em bị bỏ rơi.

- Cán bộ tư pháp hộ tịch chưa có chuyên môn sâu về bảo vệ trẻ em để thực hiện đánh giá toàn diện về sự phù hợp giữa điều kiện kinh tế, gia đình, xã hội, khả năng nuôi dưỡng và nguyện vọng của người nhận con nuôi với đặc điểm, nhu cầu của trẻ em được nhận làm con nuôi. Do đó cần nghiên cứu bổ sung vai trò của người làm công tác xã hội và các cơ quan, tổ chức chính trị xã hội ở địa phương tham gia vào hoạt động này.

- Khoản 3 Điều 21 dự thảo Luật quy định “việc giới thiệu trẻ em cho làm con nuôi nước ngoài chỉ được thực hiện đối với trường hợp người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi với Việt Nam” là chưa rõ ràng. Trong khi khoản 1 Điều 28 của Luật Nuôi con nuôi 2010 quy định chỉ giới thiệu trẻ em cho làm con nuôi nước ngoài với các nước cùng là thành viên của điều ước quốc tế về nuôi con nuôi với Việt Nam. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xác định cụ thể danh sách các nước có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi với Việt Nam hoặc giao Chính phủ quy định chi tiết điều này.

## **10. Về yêu cầu đối với sự đồng ý cho làm con nuôi (Điều 22)**

- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ căn cứ bổ sung quy định về việc “Người được lấy ý kiến có quyền thay đổi ý kiến trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến”, thời hạn này có được tính trong quy trình giải quyết nuôi con nuôi không? Hết thời hạn này mới được thực hiện các thủ tục tiếp theo hay thực hiện đồng thời.

- Dự thảo Luật quy định thứ tự theo hướng áp dụng đối với đối tượng là người nhận con nuôi. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 4 dự thảo Luật về nguyên tắc giải quyết việc nuôi con nuôi quy định “việc nuôi con nuôi phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người được nhận làm con nuôi và người nhận con nuôi”. Do đó,

cần phải hài hòa giữa việc quy định thứ tự ưu tiên và việc lấy ý kiến đối với trường hợp trẻ em từ đủ 7 tuổi trở lên.

### **11. Về báo cáo tình hình phát triển của con nuôi (Điều 23)**

Đề nghị bổ sung quy định cho phép cha mẹ nuôi thực hiện báo cáo tình hình phát triển của con nuôi thông qua ứng dụng điện tử hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc gửi báo cáo qua dịch vụ bưu chính nhằm đẩy mạnh cải cách TTHC, ứng dụng khoa học và công nghệ, để bảo đảm tính linh hoạt, hiệu quả tạo điều kiện thuận lợi cho người dân.

### **12. Về sự tham gia của người làm công tác xã hội (Điều 24)**

Như đã nêu tại Mục II.2 ở trên, Điều 24 dự thảo Luật còn mang tính khái quát, chưa xác định rõ phạm vi tham gia và giá trị pháp lý của hoạt động hỗ trợ do người làm công tác xã hội thực hiện trong quá trình giải quyết nuôi con nuôi.

Thực tiễn cho thấy, nhiều nội dung quan trọng trong quá trình giải quyết nuôi con nuôi như đánh giá hoàn cảnh, nhu cầu và khả năng thích ứng của trẻ em; đánh giá sự phù hợp giữa trẻ em với người nhận con nuôi; hỗ trợ trẻ em trong quá trình chuyển tiếp sang môi trường gia đình mới; theo dõi tình hình phát triển của trẻ em sau khi được nhận làm con nuôi đều đòi hỏi kiến thức, kỹ năng chuyên môn về công tác xã hội. Do đó, cần xác định rõ hơn vai trò của người làm công tác xã hội trong các hoạt động này để bảo đảm việc giải quyết nuôi con nuôi được thực hiện khách quan, toàn diện và vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu hoàn thiện Điều 24 theo hướng xác định rõ phạm vi hoạt động mà người làm công tác xã hội được tham gia; mối quan hệ giữa ý kiến, kết quả đánh giá của người làm công tác xã hội với việc xem xét, quyết định của cơ quan có thẩm quyền; cơ chế phối hợp giữa người làm công tác xã hội với cơ quan tư pháp, cơ sở trợ giúp xã hội và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình giải quyết nuôi con nuôi và theo dõi sau khi việc nuôi con nuôi được xác lập.

Bên cạnh đó, dự thảo Luật hiện mới quy định về người làm công tác xã hội mà chưa đề cập đến vai trò của các tổ chức cung cấp dịch vụ công tác xã hội trong lĩnh vực nuôi con nuôi. Đề nghị nghiên cứu bổ sung cơ sở pháp lý cho sự tham gia của các tổ chức này trong hoạt động hỗ trợ trẻ em, tư vấn cho người nhận con nuôi và theo dõi tình hình phát triển của trẻ em sau khi được nhận làm con nuôi nhằm nâng cao chất lượng và tính bền vững của hoạt động nuôi con nuôi.

### **13. Về tổ chức nuôi con nuôi trong nước (Điều 25)**

Về tổ chức nuôi con nuôi trong nước (Điều 25), đây là quy định mới được cơ quan chủ trì soạn thảo quy định trong dự thảo Luật để cụ thể hóa Chính sách

2. Tuy nhiên, việc quy định về tổ chức nuôi con nuôi trong nước trong dự thảo Luật còn sơ sài, chưa rõ lộ trình thực hiện; bên cạnh đó, tại Báo cáo đánh giá tác động chính sách Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi) (Báo cáo số 270/BC-BTP) cơ quan chủ trì soạn thảo cũng chỉ đề cập đến việc về lâu dài, có thể tính đến việc cho phép thành lập các tổ chức con nuôi trong nước tham gia hỗ trợ giải quyết nuôi con nuôi để bảo đảm tính chuyên nghiệp của hoạt động này. Do đó, Hội đồng thẩm định đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cần tiếp tục nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng việc đưa quy định vào dự thảo Luật. Trường hợp giữ quy định này trong dự thảo Luật thì đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cần quy định rõ tổ chức nuôi con nuôi trong nước là tổ chức do Nhà nước thành lập hay do tổ chức ngoài nhà nước để có cơ chế quản lý phù hợp; quy định rõ chức năng của tổ chức này trong việc giải quyết nuôi con nuôi (cần nhắc rà soát, đối chiếu với quy định tại khoản 3 Điều 26 về chức năng của Tổ chức con nuôi nước ngoài để bố cục quy định này cho hợp lý, logic); quy định rõ trách nhiệm, mối quan hệ với các cơ quan, tổ chức khác trong giải quyết nuôi con nuôi; xác định rõ cơ chế tài chính để tổ chức này hoạt động.

#### **14. Về hệ quả pháp lý của việc nuôi con nuôi (Điều 27)**

Khoản 2 Điều 27 dự thảo Luật quy định kể từ ngày giao nhận con nuôi, cha, mẹ đẻ không còn các quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại và định đoạt tài sản riêng đối với người con đã được cho làm con nuôi. Hội đồng thẩm định cơ bản nhất trí với cách tiếp cận này, bởi đây là những quyền, nghĩa vụ gắn trực tiếp với việc chăm sóc, nuôi dưỡng và đại diện cho con, phù hợp với bản chất của việc xác lập quan hệ cha mẹ nuôi và con nuôi.

Đối với quan hệ thừa kế giữa cha, mẹ đẻ và con nuôi, Hội đồng thẩm định nhận thấy, đây là quan hệ dân sự đã được điều chỉnh bởi Bộ luật Dân sự. Theo quy định của Bộ luật Dân sự, người con đã được cho làm con nuôi vẫn thuộc hàng thừa kế theo pháp luật của cha, mẹ đẻ và ngược lại. Việc duy trì quyền thừa kế thể hiện tính nhân văn, ghi nhận mối quan hệ huyết thống tự nhiên và bảo đảm tốt hơn quyền, lợi ích của trẻ em. Do đó, việc dự thảo Luật không quy định chấm dứt quyền thừa kế giữa cha, mẹ đẻ và con nuôi là phù hợp, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng, cần nghiên cứu chấm dứt quyền thừa kế giữa con nuôi và cha, mẹ đẻ nhằm bảo đảm tính nhất quán của hệ quả pháp lý của việc nuôi con nuôi, bởi khi các quyền, nghĩa vụ cơ bản giữa cha, mẹ đẻ và con đã chấm dứt thì việc tiếp tục duy trì quyền thừa kế có thể dẫn đến những cách hiểu khác nhau trong áp dụng pháp luật, đồng thời phát sinh một số khó khăn trong thực tiễn giải quyết quan hệ thừa kế. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung thông tin, số liệu và đánh giá thực tiễn về việc thực hiện các quy định hiện hành

của Bộ luật Dân sự liên quan đến quan hệ thừa kế giữa cha, mẹ đẻ và con nuôi; làm rõ những khó khăn, vướng mắc, bất cập (nếu có) phát sinh trong quá trình áp dụng pháp luật và mức độ ảnh hưởng của các bất cập này đối với thực tiễn giải quyết quan hệ thừa kế. Đồng thời, đề nghị bổ sung cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn và đánh giá tác động của từng phương án chính sách, trong đó làm rõ việc duy trì quyền thừa kế giữa cha, mẹ đẻ và con nuôi theo quy định hiện hành có đang phát sinh những bất cập đáng kể đến mức cần thiết phải thay đổi chính sách hay không; trường hợp đề xuất thay đổi chính sách hiện hành thì cần thuyết minh rõ sự cần thiết, tính hợp lý, tính khả thi và sự phù hợp với các quy định có liên quan của Bộ luật Dân sự nhằm bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

### **15. Về thu hồi, hủy bỏ (Điều 28)**

Về việc thu hồi, hủy bỏ giấy tờ nuôi con nuôi (Điều 28), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu đánh giá kỹ sự cần thiết, tác động của quy định này và làm rõ mối quan hệ giữa trường hợp này với trường hợp chấm dứt nuôi con nuôi tại Điều 29, đặc biệt là điểm e khoản 1 Điều 29. Bên cạnh đó, cần làm rõ trình tự, thủ tục thu hồi, hủy bỏ giấy tờ nuôi con nuôi, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân cũng như hệ quả pháp lý của việc thu hồi, hủy bỏ giấy tờ nuôi con nuôi, đặc biệt là quyền, nghĩa vụ của các bên sau khi bị thu hồi, hủy bỏ, việc khắc phục hậu quả của việc thu hồi, hủy bỏ giấy tờ nuôi con nuôi và các vấn đề pháp lý liên quan phát sinh từ thời điểm có quyết định giải quyết việc nuôi con nuôi đến thời điểm thu hồi, hủy bỏ giấy tờ nuôi con nuôi....

Ngoài ra, đề nghị cân nhắc bổ sung quy định về việc cấp lại giấy tờ về nuôi con nuôi.

### **16. Về chấm dứt việc nuôi con nuôi (Điều 29)**

Về căn cứ chấm dứt việc nuôi con nuôi trong nước (Điều 29), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu xác định cụ thể hơn tiêu chí xác định căn cứ chấm dứt việc nuôi con nuôi được bổ sung mới như “con nuôi không thể hòa nhập với gia đình cha, mẹ nuôi”, “cha mẹ nuôi bỏ mặc, không thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng”, “việc nuôi con nuôi không đạt được mục đích” để tránh lạm dụng yêu cầu chấm dứt quan hệ nuôi con nuôi. Đồng thời cân nhắc bổ sung một số căn cứ chấm dứt việc nuôi con nuôi như cha, mẹ nuôi mắc bệnh hiểm nghèo, không đủ khả năng nuôi dưỡng, các điều kiện của người nhận con nuôi ban đầu (quy định tại Điều 15) không còn đáp ứng được.

### **17. Về điều khoản thi hành (Điều 32, 33)**

- Đối với Điều 32: (i) Đề nghị rà soát kỹ, bổ sung việc giao Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung để bảo đảm tính khả thi không bỏ sót các nội dung cần quy định chi tiết; (ii) Làm rõ lộ trình thực hiện của Chính phủ quy định tại

khoản 1 Điều 32 dự thảo Luật; (iii) Bổ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 32 về việc giao Chính phủ quy định “biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật này” vì theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Luật Ban hành VBQPPL, đây là vấn đề thuộc thẩm quyền của Chính phủ mà không cần thiết phải quy định trong Luật.

- Về nội dung điều khoản chuyển tiếp (Điều 33), đề nghị rà soát chỉnh lý kỹ để bảo đảm chặt, không bỏ sót các trường hợp cần chuyển tiếp để bảo đảm không để xảy ra khoảng trống pháp lý hoặc gây khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

### **18. Một số vấn đề khác:**

- Nghiên cứu, quy định rõ trách nhiệm của “cơ sở nuôi dưỡng” trong việc giải quyết nuôi con nuôi.

- Cần nhắc nghiên cứu về việc quy định “thời gian sống thử nghiệm” giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi. Thực tế đã có trường hợp cha mẹ nuôi từ nước ngoài về nhận trẻ, sau đó mới phát hiện trẻ bị bệnh và yêu cầu hủy bỏ việc nuôi con nuôi, gây tác động tâm lý lớn cho trẻ. Đây là một chính sách mới cần được đánh giá tác động và tham khảo kinh nghiệm quốc tế.

- Cần nhắc bỏ Điều 12 vì việc xử lý vi phạm trong hoạt động giải quyết nuôi con nuôi được thực hiện theo quy định trong Bộ luật Hình sự, Luật xử lý vi phạm hành chính, Luật Cán bộ, công chức và các văn bản có liên quan.

- Liên quan đến nuôi con nuôi vùng biên giới khoản 5 Điều 15: Đề nghị rà soát lại thẩm quyền của UBND cấp xã đối với trường hợp trẻ em nước ngoài cư trú tại khu vực biên giới nhằm đảm bảo tính thống nhất với các chương khác của dự thảo Luật.

- Đề nghị rà soát, cân nhắc đưa nội dung một số điều, khoản (như khoản 2 Điều 9, Điều 16, ...) trong dự thảo Luật xuống quy định trong dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi) để bảo đảm phù hợp với quan điểm chỉ đạo trong Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

- Về thứ tự ưu tiên giải quyết nuôi con nuôi (Điều 18): khoản 2 Điều này quy định: “Trường hợp có nhiều người cùng hàng ưu tiên xin nhận một người làm con nuôi thì xem xét, giải quyết cho người có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con nuôi tốt nhất”. Tuy nhiên, quy định này cần được tiếp tục nghiên cứu làm rõ thế nào là “người có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con nuôi tốt nhất”. Do đó, đề nghị giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này để đảm bảo

tính rõ ràng, minh bạch, dễ thực hiện trên thực tiễn.

- Điều 20 về quy định hợp pháp hóa lãnh sự, dịch sang tiếng Việt giấy tờ của nước ngoài, đề nghị sửa: “Giấy tờ, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật”, do Điều 9 của Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 196/2025/NĐ-CP ngày 04/7/2025 đã quy định trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước ngoài liên quan đều là thành viên, hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định về chấm dứt việc nuôi con nuôi nước ngoài: dự thảo Luật chưa có quy định về thẩm quyền, điều kiện, trình tự thủ tục và hệ quả đối với việc chấm dứt việc nuôi con nuôi nước ngoài. Về hệ quả pháp lý đối với việc chấm dứt nuôi con nuôi nước ngoài, mặc dù Công ước La Hay 1993 không quy định về việc chấm dứt hoàn toàn quan hệ nuôi con nuôi sau khi quan hệ này đã thiết lập nhưng có quy định tại Điều 21 chấm dứt việc giao nhận thực tế khi trẻ đã được chuyển đến quốc gia nhận nhưng thủ tục nuôi con nuôi tại quốc gia nhận chưa hoàn tất. Hơn nữa theo khoản 5 Điều 3 dự thảo Luật, nuôi con nuôi nước ngoài bao gồm cả trường hợp công dân Việt Nam nhận con nuôi là người nước ngoài và cư trú tại Việt Nam. Như vậy, việc chấm dứt và hệ quả của việc chấm dứt quan hệ nuôi con nuôi này cũng phải được xử lý như chấm dứt việc nuôi con nuôi trong nước.

## **VII. VỀ NGÔN NGỮ, THỂ THỨC, KỸ THUẬT TRÌNH BÀY VĂN BẢN VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC SOẠN THẢO LUẬT**

### **1. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản**

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, chỉnh lý dự thảo Luật, dự thảo Tờ trình và các tài liệu trong hồ sơ dự án Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi) để bảo đảm thống nhất về ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

### **2. Về trình tự, thủ tục soạn thảo luật**

Dự thảo Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi) được cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng theo trình tự, thủ tục thông thường. Hội đồng thẩm định nhận thấy, cơ quan chủ trì soạn thảo cơ bản đã thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định trong Luật Ban hành VBQPPL số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị

định số 187/2025/NĐ-CP, theo đó, cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức xây dựng hồ sơ chính sách trình Chính phủ xem xét, thông qua; thành lập Tổ soạn thảo dự án Luật, tổ chức họp Tổ soạn thảo; đăng tải hồ sơ dự án Luật trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp và Cổng Pháp luật quốc gia; ...

Dự thảo Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi) được cơ quan chủ trì soạn thảo đăng tải lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện việc tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến góp ý; đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý ít nhất là 30 ngày trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp, chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến, theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Đồng thời, cơ quan chủ trì soạn thảo đã thực hiện việc gửi lấy ý kiến đối với dự thảo Luật, do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân và thể hiện vào Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội trước khi trình Chính phủ.

Bên cạnh đó, để hoàn thiện hơn nữa hồ sơ dự án Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, chỉnh lý, hoàn thiện các tài liệu, cụ thể:

- Đối với dự thảo Luật: Đề nghị bỏ “*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026*” để bảo đảm tuân thủ theo đúng Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

- Đối với dự thảo Tờ trình, đề nghị tiếp tục chỉnh lý, hoàn thiện cơ sở chính trị, pháp lý, cơ sở thực tiễn như đã nêu ở phần đầu Báo cáo thẩm định; đồng thời, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tuân thủ theo đúng Mẫu số 02 Phụ lục IV của Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, trong đó, tại mục về nội dung cơ bản, đề nghị bố cục theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

- Đối với Bản đánh giá thủ tục hành chính: Đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo rà soát chỉnh lý Bản đánh giá TTHC để đảm bảo phù hợp với Mẫu số 06 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP; rà soát nội dung bản đánh giá TTHC để đảm bảo tính chính xác (Ví dụ: tại mục II.1.1 Bản đánh giá TTHC liệt kê 03 TTHC và trong đó có 02 TTHC nêu là dự thảo Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi) cắt giảm, tuy nhiên, nội dung nêu “Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi) quy định tên gọi, giao Chính phủ quy định chi tiết” - đây không phải là cắt giảm TTHC mà do Luật có quy định TTHC nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành TTHC); xác định chính xác số lượng, tên TTHC quy định trong dự thảo Luật (trong đó nêu rõ TTHC ban hành mới; TTHC sửa đổi, bổ sung; TTHC bãi bỏ; TTHC giữ nguyên so với quy

định hiện hành).

- Đối với Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, tiếp thu, giải trình một cách nghiêm túc, đầy đủ, khách quan, thấu đáo và hợp lý các ý kiến.

- Đối với Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, VBQPPL, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi): đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung nội dung rà soát liên quan đến Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam; Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đối với việc xây dựng dự án Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi); Bộ luật Dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Hộ tịch năm 2026; Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phí và lệ phí, Luật Ngân sách nhà nước... Ngoài ra, đề nghị rà soát, bổ sung đầy đủ đánh giá về sự phù hợp của các điều, khoản trong dự thảo Luật với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (Ví dụ: Điều 6 dự thảo Luật với Điều 30 Công ước 1993 và Điều 7 (1) CRC, hệ quả pháp lý của việc nuôi con nuôi, chấm dứt việc nuôi con nuôi trong dự thảo Luật với Điều 27 của Công ước La Hay 1993...).

## **VIII. KẾT LUẬN**

Căn cứ Hồ sơ dự án Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi) gửi thẩm định và ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tập trung hoàn thiện hồ sơ theo Báo cáo thẩm định này, trong đó tập trung vào một số vấn đề chính, gồm:

(i) Tiếp tục rà soát dự thảo Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi) để đảm bảo thể chế hóa đầy đủ, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng về việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; đơn giản hóa TTHC; phân cấp, phân quyền; đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đồng thời, rà soát, cụ thể hóa đúng, đầy đủ các chính sách đã được thông qua.

(ii) Rà soát các quy định trong dự thảo Luật với các quy định của pháp luật có liên quan để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật như Bộ luật Dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Hộ tịch năm 2026, Luật Cư trú, Luật Tư pháp người chưa thành niên....

(iii) Chính lý, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật theo Báo cáo thẩm định và ý kiến tại cuộc họp Hội đồng thẩm định theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL

năm 2025 và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

Dự án Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi) đủ điều kiện trình Chính phủ sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo đã nghiên cứu, tiếp thu đầy đủ, giải trình hợp lý các ý kiến và chỉnh lý, hoàn thiện các tài liệu theo các ý kiến nêu tại Báo cáo thẩm định này.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp đối với hồ sơ dự án Luật Nuôi con nuôi (sửa đổi), Bộ Tư pháp xin kính trình Chính phủ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để ph/h);
- Thứ trưởng Nguyễn Thanh Ngọc (để biết);
- Cục Hành chính tư pháp (để thực hiện);
- Công TTĐT Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Lưu: VT, Vụ CTXDVBQPPL(Trang).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Đặng Hoàng Oanh**